

BÀI 23 お母さんに叱られました
OKÂSAN NI SHIKARAREMASHITA

さくら Sakura	この間は門限に間に合った？ KONOAIDA WA MONGEN NI MANIATTA?	Hôm trước có kịp giờ đóng cửa kí túc xá không?
アンナ Anna	いいえ。間に合いませんでした。 それで、お母さんに叱られました。 掃除当番が 3回増えました。 IIE. MANIAIMASEN DESHITA. SOREDE, OKÂSAN NI SHIKARAREMASHITA. SÔJI TÔBAN GA SANKAI FUEMASHITA.	Không ạ. Em đã không về kịp. Vì thế, em đã bị Mẹ mắng. Em phải làm nhiệm vụ dọn dẹp thêm 3 lần.
さくら Sakura	それは大変だったね。 SORE WA TAIHEN DATTA NE.	Thế thì khổ thân nhỉ!



Mẫu ngữ pháp

① _MASEN DESHITA : Thể phủ định ở quá khứ của MASU

◈ Đổi động từ thể MASU sang thể phủ định ở quá khứ bằng cách thay MASU bằng MASEN DESHITA.

MANIAIMASU (kịp) ⇨ MANIAIMASEN (không kịp)

Quá khứ ⇩ Phủ định ⇩

MANIAIMASHITA (đã kịp) ⇨ MANIAIMASEN DESHITA (đã không kịp)

② Cách nói bị động ☞ *Động từ : Xem trang 54, 55*



◈ Dùng động từ ở thể bị động và trợ từ NI để chỉ chủ thể của hành động.

SHIKARIMASU (mắng) ⇒ SHIKARAREMASU (bị mắng)

OKÂSAN WA WATASHI O SHIKARIMASHITA. (Mẹ mắng tôi.)

WATASHI WA OKÂSAN NI SHIKARAREMASHITA. (Tôi bị mẹ mắng.)



Từ tượng thanh và tượng hình



Tiếng cọ rửa



Từ miêu tả việc lau hoặc đánh bóng thủy tinh hay kính cửa sổ mạnh tay